Số: 513/QĐ-BV331
Thời gian ký: 2026-10-29T13:27:35+07:00

**Bộ, tỉnh: Tỉnh Gia Lai** **Mẫu số 04a-CK/TSC**

**Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Y tế tỉnh Gia Lai**

**Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Bệnh viện 331**

**Mã đơn vị:**

**Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp**

# CÔNG KHAI VIỆC HÌNH THÀNH TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

## Tháng 7/2026

| STT | Tên tài sản | Đơn vị tính | Số lượng | Nhãn hiệu | Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng) | Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển | Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển | Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| **I** | **Đầu tư xây dựng, mua sắm** | | | | | | | | |
| **II** | **Tài sản giao mới** | | | | **149.032** | | | | |
| **1** | **Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp** | | | | | | | | |
| *1.1* | *Đất* | | | | | | | | |
| *1.2* | *Nhà* | | | | | | | | |
| *1.3* | *Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác* | | | | | | | | |
| **2** | **Xe ô tô** | | | | | | | | |
| *2.1* | *Xe ô tô phục vụ công tác các chức danh* | | | | | | | | |
| *2.2* | *Xe ô tô phục vụ công tác chung* | | | | | | | | |
| *2.3* | *Xe ô tô chuyên dùng* | | | | | | | | |
| *2.4* | *Xe ô tô phục vụ lễ tân nhà nước* | | | | | | | | |
| **3** | **Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)** | | | | | | | | |
| **4** | **Máy móc, thiết bị** | | | | **49.032** | | | | |
| *4.1* | *Máy móc, thiết bị phục vụ chức danh* | | | | 49.032 | | | | |
| | Máy cấp số thứ tự Kiosk màn hình cảm ứng TouchScreen | Bộ | 1 | Btech | 49.032 | | | | |
| *4.2* | *Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung* | | | | | | | | |
| *4.3* | *Máy móc, thiết bị chuyên dùng* | | | | | | | | |

| STT | Tên tài sản | Đơn vị tính | Số lượng | Nhãn hiệu | Nguyên giá (mua/thuê/ nhận điều chuyển) (Nghìn đồng) | Hình thức mua sắm/thuê/ nhận điều chuyển | Nhà cung cấp (người bán)/Cơ quan điều chuyển | Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có) (Nghìn đồng) | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| **5** | **Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm** | | | | | | | | |
| **6** | **Tài sản cố định đặc thù** | | | | | | | | |
| **7** | **Tài sản cố định hữu hình khác** | | | | | | | | |
| **8** | **Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)** | | | | **100.000** | | | | |
| | Tích hợp Phân hệ liên kết Ngân hàng để thanh toán không dùng tiền mặt với phần mềm QLBV | Phần mềm | 1 | | 100.000 | | | | |
| **III** | **Tài sản đi thuê** | | | | | | | | |
| **IV** | **Tài sản nhận điều chuyển** | | | | | | | | |
| | **Tổng cộng** | | | | **149.032** | | | | |

*Ngày ..... tháng ..... năm .....*

**Người lập báo cáo**

*(Ký, họ tên)*

**Trần Thị Phương Mai**

**Phó giám đốc phụ trách**

*(Ký, họ tên và đóng dấu)*

SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
BỆNH VIỆN 331

**Vũ Trọng Dũng**